

Bản án số: 582/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25/10/2022

V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN KIM NGỌC.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **MAI HUY MÂN**

Bà **TRẦN THỊ CÚC**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **MAI QUỐC KHANH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 582/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **N T K P**, sinh năm 1 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp , xã **P C**, huyện **C L**, tỉnh **T G**.

**- Bị đơn:** Anh **V T K**, sinh năm 1 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã **P C**, huyện **C L**, t **T G**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **N T K P** trình bày:** Chị và anh **V T K** xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình thường cãi vã nên anh chị sống ly thân.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **V T H**, sinh ngày 23/5/2011 đang sống với chị **P**.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay chị **N T K P** yêu cầu ly hôn anh **V T K**; Yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, cho đến khi con tròn 18 tuổi.

**\*Theo bản khai ngày 25/10/2022 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh V T K trình bày:** Anh và chị N T K P quen biết xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc, vợ chồng không mâu thuẫn gì, chị P đi làm công ty Bình Dương hứa năm 2022 về, tháng 10/2022 vợ chồng điện thoại cự cãi thì chị P làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên V T H, sinh ngày 23/5/2011 đang sống với chị P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp.

Nay anh V T K không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị N T K P vì còn thương vợ con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Xét thấy, chị N T K P và anh V T K cư trú: xã P C, huyện C L, tỉnh TG. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh, chị thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:** Tại phiên tòa hôm nay, chị N T K P và anh V T K cùng trình bày thống nhất, anh, chị xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021, chị P cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp tính tình, thường cãi vã nên sống ly thân; Còn anh K cho rằng, vợ chồng sống hạnh phúc không mâu thuẫn gì năm 2021 chị P đi làm công ty hẹn năm 2022 về, tháng 10/2022 anh có cãi vã với chị P qua điện thoại thì chị P về nộp đơn ly hôn, vợ chồng sống ly thân 02 tháng nay. Xét thấy, tại phiên tòa chị P cương quyết xin ly hôn, còn anh K có mong muốn gia đình được đoàn tụ, lo cho con chung. Xét thấy do mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh K không trầm trọng, mặc khác chị P, anh K thừa nhận vợ chồng ly thân từ khi chị P nộp đơn xin ly hôn tại tòa án đến nay, do đó nhằm tạo điều kiện cho chị P, anh K được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

**[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung:** Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T K P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[4] Về án phí:** Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14.

### **Xử:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N T K P xin ly hôn anh V V K.

*Về án phí:* Chị NT K P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016836 ngày 25/10/2026 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên không phải nộp tiếp.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú Cường;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ngọc**